

Số: 89 /2024/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày*

01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 5647/TTr-SNV ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo số 270/BC-SNV ngày 30 tháng 12 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 1 như sau:

“b) Công chức trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện và công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã);”.

2. Sửa đổi Điều 2 như sau:

### “Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đào tạo là quá trình truyền thụ, tiếp nhận có hệ thống những tri thức, kỹ năng theo quy định của từng cấp học, bậc học.

2. Bồi dưỡng là hoạt động trang bị, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc.

3. Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo chương trình quy định cho ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp viên chức.

4. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm là trang bị, cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp làm việc cần thiết để làm tốt công việc được giao.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

### “Điều 6. Bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 31, Điều 32 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công

chức, viên chức; khoản 2, 3, 4, 5 Điều 1 Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo từng giai đoạn.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

**“Điều 7. Quản lý, biên soạn, thẩm định, phê duyệt chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành, quản lý, tổ chức thẩm định hoặc phê duyệt Chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh không phê duyệt đối với các chương trình, tài liệu bồi dưỡng đã được các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, bộ, ngành biên soạn và phê duyệt theo quy định.

2. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc tỉnh biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ khi được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và hướng dẫn thực hiện chương trình bồi dưỡng thuộc thẩm quyền quản lý trước khi đưa vào sử dụng.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

**“Điều 8. Phân công tổ chức bồi dưỡng**

1. Trường Chính trị tỉnh tổ chức bồi dưỡng các chương trình sau:

a) Chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương;

b) Chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương; công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương;

c) Chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương;

d) Chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ;

đ) Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã;

e) Chương trình bồi dưỡng khác do cấp có thẩm quyền giao.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành; chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ thuộc thẩm quyền quản lý cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ sở đào tạo, nghiên cứu có đủ điều kiện theo quy định và gửi danh sách về Bộ Nội vụ để tổng hợp, theo dõi, quản lý.

Trường hợp các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh chưa đáp ứng nhu cầu kế hoạch bồi dưỡng, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc giao các cơ quan, đơn vị hợp đồng với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương được cấp có thẩm quyền giao tổ chức bồi dưỡng.”.

6. Sửa đổi khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

**“Điều 10. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng**

1. Việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các quy định khác về mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hiện hành của Trung ương và tỉnh Đồng Nai.

2. Trường hợp trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức học tập không đạt yêu cầu và phải học lại, thi lại thì không được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định trong thời gian học lại, thi lại. Kinh phí học

lại, thi lại do cá nhân tự chi trả.”.

8. Sửa đổi khoản 1 Điều 12 như sau:

“1. Cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định và yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

**“Điều 13. Quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng**

1. Việc quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương thực hiện theo quy định của Đảng và phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong phạm vi toàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý, theo dõi công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân tỉnh.”.

10. Sửa đổi Điều 14 như sau:

**“Điều 14. Thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng**

Thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 6 Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền tại Điều 14 Quy chế này. Tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định. Theo dõi tình hình học tập, đánh giá hiệu quả sau bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định. Xử lý trách nhiệm khi cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các trường hợp quy định tại Điều 12 Quy chế này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức định kỳ 6 tháng (trước ngày 01/6), hàng năm (trước ngày 30/11) và đột xuất khi có yêu cầu.”.

12. Sửa đổi khoản 3 và khoản 4 Điều 16 như sau:

“3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý hàng năm và giai đoạn.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, chuyên môn nghiệp vụ; quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng theo quy định và thẩm quyền phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức.”.

## **Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các sở, ban, ngành và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2025. *[Signature]*

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban đảng tỉnh và Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. (35b).

E/Hài-VX/01.2025

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Tấn Đức**